

Thái Nguyên, ngày 22 tháng 9 năm 2026

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp hàng hóa, dụng cụ y tế

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026, nghị định số 170/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ và Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026 của Chính Phủ;

Căn cứ kế hoạch đào tạo của nhà trường năm học 2026 – 2027;

Trường Đại học Y – Dược có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo giá hàng hóa y tế và làm cơ sở lập kế hoạch, tổ chức lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu mua sắm hàng hóa, hóa chất phục vụ đào tạo giảng dạy cho người học.

I. Thông tin đơn vị yêu cầu chào giá

1. Đơn vị yêu cầu: Trường Đại học Y – Dược, Đại học Thái Nguyên

2. Thông tin bên tiếp nhận yêu cầu chào giá:

- Phòng Tài chính Cơ sở vật chất thuộc trường Đại học Y – Dược, Đại học Thái Nguyên; Mail bộ phận cơ sở vật chất: tump.edu.vn2@gmail.com

- Đại diện phòng: PGS. TS Trần Văn Tuấn

- Chức vụ: Phó Hiệu trưởng/Trưởng phòng Tài chính – Cơ sở vật chất

+ Người tiếp nhận báo giá/chào giá:

Ông Lại Văn Tiến; SĐT: 0868 852 888; Chức vụ: Chuyên viên

3. Cách thức tiếp nhận chào giá:

Nhận chào giá trực tiếp trong giờ hành chính tại Tầng 5, phòng Tài chính – Cơ sở vật chất, Trường Đại học Y – Dược, Đại học Thái Nguyên; Địa chỉ: Tòa nhà A1, số 284, đường Lương Ngọc Quyến, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên, hoặc bản điện tử gửi Mail phòng Tài chính – Cơ sở vật chất (Bộ phận Cơ sở vật chất), nộp trực tiếp trên trang mua sắm công <https://muasamcong.mpi.gov.vn>.

2. Nội dung yêu cầu báo giá: (Chi tiết danh mục hàng hóa tại phụ lục kèm theo)

3. Thời điểm tiếp nhận báo giá: trong vòng 10 ngày kể từ ngày đăng tải yêu cầu báo giá thành công trên mạng đấu thầu quốc gia và Website của nhà trường.

4. Thời gian hiệu lực báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày hết hạn nộp báo giá

5. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Nội dung yêu cầu báo giá: Ghi rõ tên đơn vị chào giá, có con dấu và có nội dung cam kết về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký kinh doanh. Bảng chào giá ghi chi tiết theo sản phẩm, quy cách, xuất xứ, catalog (nếu có) tương ứng để nhà trường có sở lựa chọn phương án phù hợp; Giá hàng hóa đã bao gồm thuế phí và các chi phí để thực hiện việc cung cấp hàng hóa cho nhà trường.

- Nhà cung cấp có thể báo giá cho toàn bộ hoặc các phần, một phần hàng hóa nằm trong phạm vi, khả năng cung cấp hàng hóa của đơn vị mình.

(Chi tiết danh mục hàng hóa tại phụ lục kèm theo)

- Đồng tiền chào giá: Việt Nam đồng

- Địa điểm cung cấp: Trường Đại học Y – Dược, Đại học Thái Nguyên; Địa chỉ: Số 284, đường Lương Ngọc Quyến, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên

Cám ơn sự quan tâm của Quý công ty!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCCSVC.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS. TS Trần Văn Tuấn

DANH MỤC CHI TIẾT HÀNG HOÁ

(Kèm theo công văn số 1511/ĐHYD-TCCSVC ngày 22/9/2026)

STT	Tên VT, HC, SVP	Đvt	SL Mua	Mã vật tư
1	Áo mủ	Cái	2	186
2	Băng CP mas cao su 1m*5cm	Cái	15	3192
3	Băng CP mas cao su 1m*7cm	Cái	15	3193
4	Băng cuộn gác rộng 5cm (Băng cuộn 5cmx10m)	Cuộn	86	2132
5	Băng cuộn gác rộng 7cm (7cm x 5m)	Cuộn	80	2133
6	Băng dính 19x72	hộp	3	4976
7	Băng dính Ugo 5m*5cm	cuộn	362	2023
8	Băng dính ugo	Hộp	10	1747
9	Băng dính Zilgo H102	Hộp	2	5302
10	Bình tia nước cắt	Cái	3	2713
11	Bộ kích điện 3-5-9v	Bộ	2	1255
12	Bộ quần áo chống dịch	Bộ	174	4157
13	Bông cầu vê sẵn	gói	95	5483
14	Bông không thấm nước	kg	7,7	2286
15	Bông mỡ	Kg	1	198
16	Bông thấm nước	kg	16	3990
17	Bông y tế (dạng viên sẵn)	bịch	13	5484
18	Bông y tế 1 kg	Gói	20	4446
19	Bơm tiêm nhựa 3ml	Cái	1300	206
20	Bơm tiêm nhựa 50 ml (đầu to bơm cho bệnh nhân ăn)	cái	35	0207a
21	Buồng đếm (hồng cầu, bạch cầu)	Bộ	6	1389
22	Cán dao mổ 21	cái	2	dt135
23	Canuyn mở khí quản nhựa	Cái	3	2772
24	Canuyn thắt tháo nhựa	Bộ	4	1269
25	Càng cấn inox loại to	cái	30	3766
26	Cao su nhẹ dùng súng Fanta	Tuýp	3	4376
27	Catherte đặt TM dưới đòn	cái	60	5426

STT	Tên VT, HC, SVP	Đvt	SL Mua	Mã vật tư
28	Chỉ catgut 2/0	sợi	40	30
29	Dao mổ	chiếc	8	314
30	Dao mổ liền cán	Cái	2	236
31	Dây thở Oxi (gọng kính)	Cái	50	2144
32	Điện cực bề mặt đo độ dẫn truyền	Gói	12	3569
33	Điện cực đất loại dán (Ag/AgCl dài 1m, kt 40*50mm)	Gói	20	3681
34	Gạc (gói 20 cái x 1m ²) VT	mét	2	1112
35	Gạc cuộn	Cuộn	70	32nl
36	Gạc mét thấm nước	mét	24	2289
37	Gạc miếng vô trùng 10*10*8 (01 cái/gói)	Gói	270	3738
38	Gạc miếng vô trùng 8x10x8 lớp	miếng	140	4990
39	Gạc thấm nước	mét	20	2021
40	Găng tay cao su dày	Đôi	62	g224
41	Găng tay khám (size M)	Đôi	7840	2366
42	Găng tay khám (size S)	Đôi	5400	4996
43	Găng tay khám (size XS)	Đôi	1100	4997
44	Găng tay khám cỡ M hộp 100 cái	hộp	21	3669
45	Găng tay khám không bột (size S)	Đôi	150	4995
46	Găng tay khám không bột size M	Đôi	100	4042
47	Găng tay khám không bột size M accuflex	Hộp	4	5005
48	Găng tay khám không bột size S accuflex	Hộp	2	5006
49	Găng tay khám Malai cỡ M	Đôi	150	2366
50	Găng tay khám Malaysia cỡ XS	Hộp	30	4061
51	Găng tay khám size S	Hộp	5	2366A
52	Găng tay không bột	Đôi	650	dtcb32
53	Găng tay S-100	Hộp	90	2366A
54	Găng tay sản khoa	Đôi	100	5485
55	Gói hút âm	gói	800	5449
56	Giấy băng xanh phi 11	hộp	8	4791

STT	Tên VT, HC, SVP	Đvt	SL Mua	Mã vật tư
57	Giấy điện di	cuộn	1	
58	Giấy định nhóm máu	Tờ	697	1592
59	Giấy đo PH (Đức)	hộp	2	260
60	giấy lọc định tính phi 11	hộp	15	3299
61	Giấy lọc phi 11	hộp	106,9	264
62	Giấy lọc phi 11 vàng	hộp	24	3739
63	Giấy lọc phi 18	hộp	7	2024
64	Giấy quỳ vạn năng	Hộp	6	3532
65	Giấy vẽ phim Cephalometric	Hộp	3	3101
66	Hộp an toàn	Hộp	70	2676
67	Hộp an toàn hủy vật sắc nhọn inox	cái	10	3096
68	Hộp đựng bông cotton Inox	Cái	4	2379
69	Hộp đựng bông cotton inox 8 cm	cái	6	1100
70	Hộp đựng bông cotton Inox phi 6	Cái	7	3533
71	Hộp đựng kim khâu	Hộp	5	3993
72	Hộp lồng phi 10	bộ	25	152
73	Hộp tiêu bản 20cm * 20cm	cái	2	3886
74	Icon (Hãng DMG)	Hộp	1	4525
75	Kéo cắt vải	Cái	2	k230
76	Kéo cong 16cm đầu tù	cái	2	dt114
77	Kéo thẳng 16cm nhọn	cái	2	2678
78	Kéo thẳng 16cm đầu tù	cái	2	1232
79	Kẹp giữ đa năng 3 chấu	cái	3	5425
80	Kẹp mạch máu 16 cm	cái	10	3070
81	kẹp ống nghiệm gỗ	cái	21	308
82	Kẹp phẫu tích 16cm	Cái	2	310
83	Kẹp phẫu tích 16cm không máu	Cái	12	311
84	Kẹp sắt	cái	20	k120
85	Kiềng inox (để đèn cồn)	cái	26	304

STT	Tên VT, HC, SVP	Đvt	SL Mua	Mã vật tư
86	Kim bật 3 cạnh 9*36	cái	250	3077
87	Kim bật tròn 10 x45	cái	10	295
88	Kim châm cứu vi (0,3 * 25mm)	cái	24000	5487
89	Kim chích máu (Đức)	Cái	3000	1800
90	Kim chích máu đầu xoay	cái	415	4448
91	Kim chọc tử ếch	Cái	23	298
92	Kim khâu	Gói	10	k116
93	Kim khâu da	Cái	2	1274
94	Kim lấy thuốc nhựa số 18	Cái	460	1950
95	Kim luồn tĩnh mạch 16G	Cái	20	2285
96	Kim luồn to số 16, 18	Cái	30	3036
97	Kít thử đường huyết	Hộp	8	3037
98	Khay đựng sâu lớn 800ml	Cái	2	3475
99	Khay đựng sâu trung 400ml	cái	2	3474
100	Khay Inox 20*30cm	cái	5	2382
101	Khay men 20 x30	cái	38	1230
102	Khay men 22x32	Cái	5	3254
103	Khay men 30 x 40 cm	cái	7	290
104	Khay men 35 * 50cm	cái	10	289
105	Khay mổ	cái	3	1026
106	Khẩu trang	cái	750	292
107	Khẩu trang N95	cái	700	5010
108	Khẩu trang phòng độc	cái	11	3097
109	Khẩu trang phòng độc (than hoạt tính)	cái	450	1200
110	Khẩu trang tiệt trùng	cái	1810	3477
111	Khuôn đúc bệnh phẩm sinh thiết 7*7*6mm	Cái	6	4090
112	La men (Đức)	Hộp	45,2	160
113	Lọ nhựa miệng hẹp 100ml nâu	Cái	200	3995
114	Lọ nhựa MR có nắp đựng thuốc mỡ	Cái	200	1386

STT	Tên VT, HC, SVP	Đvt	SL Mua	Mã vật tư
115	Lọ nhựa nắp bật 50ml	Cái	70	5457
116	Lưới Amiăng (nhỏ)	Cái	26	1452
117	Lưới Amiăng (to)	Cái	3	313
118	Lưỡi dao mổ (cỡ 21)	cái	10	2471
119	Madrin(Que luồn ống NKQ)	Cái	20	
120	Micropipet 100den 1000	cái	2	124nl
121	Micropipet 10den 100	cái	1	125nl
122	Micropipet 5.5ml	cái	1	2009
123	Nút cao su phi 11	cái	2	5460
124	Nhiệt kế 0-100	cái	12	3038
125	Nhiệt kế kẹp nách	Cái	3	2141
126	Ống nghe tim phổi	Cái	2	4456
127	ống nghiệm phi 16mm*160	chiếc	30	0137 NL
128	Ống nhựa 15ml có nắp vận ly tâm	Ống	70	3859
129	ống thổi máy hô hấp	Cái	20	3159
130	Panh cong có mẫu 18	Cái	5	2726
131	Panh không mẫu 18cm	cái	2	30nl
132	Panh thẳng 16 cm không mẫu	Chiếc	3	346
133	Pen sản hình tim(25cm)	Cái	3	3473
134	Pipet nhựa	Cái	15	2018
135	Quần áo bệnh nhân	Bộ	8	3283
136	Que cấy nhựa 1microlit	Cái	20	4064a
137	Que cấy vi sinh kim loại ONELAB gồm Cán + chọn đầu cấy vòng (tròn) có thể tháo rời	Cái	3	
138	Que tăm bông vô trùng	Cái	150	2132
139	Săng trải 80cm x 120cm có lỗ 10cm x 20cm	Cái	3	1674
140	Sonde hút đờm dãi số 12	Cái	70	2778
141	Tăm bond xanh hộp 100	Hộp	2	4213
142	Tăm bông	Túi	10	t284
143	Tăm bông gói nhỏ	gói	29	2046

STT	Tên VT, HC, SVP	Đvt	SL Mua	Mã vật tư
144	Tấm bông TPC	Hộp	1	4213A
145	Test máy đo đường huyết cầm tay TD4279	Hộp	8	4273
146	Test nước tiểu 10 thông số	hộp 100 test	3	3607
147	Túi đựng rác thải y tế 20kg	Kg	5	
148	Túi đựng rác thải y tế màu đen	kg	20	3487
149	Túi đựng rác thải y tế màu vàng	Kg	23,75	3486
150	Túi đựng rác thải y tế màu vàng 10 kg	kg	5	
151	Túi đựng rác thải y tế màu vàng 5kg	Kg	3	3486
152	Túi đựng rác thải y tế màu xanh 10 kg	kg	23	3486X
153	Túi đựng rác thải y tế màu xanh 15kg	Kg	3	
154	Túi đựng rác thải y tế màu xanh 5Kg	Kg	18	Dt6 x
155	Túi lấy mẫu TP có khóa Zip 3kg	kg	0,5	3023
156	Túi Zip 25x15cm	cái	30	
157	Tuýp nhôm	Cái	400	1061
158	Tuýp nhựa 50ml	Cái	200	1061a
159	Thông nòng máng	cái	10	5030
160	Vòng sắt (đường kính 8cm)	cái	20	3546

